

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 927/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10/8/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa

Bà N và Ông H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
2. Ông Nguyễn Huỳnh Khải Huân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 399/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm N; sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã Q, huyện G, tỉnh E.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H; sinh năm 1980

Địa chỉ: Số X đường S, Phường V, Quận H, Thành phố M.

(các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021 cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N và Ông Nguyễn Minh H sống chung và đăng ký kết hôn ngày 29/7/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường V, Quận H, Thành phố M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 01/2010. Vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống, thường hay gây gổ, cãi vã. Từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng đã sống ly

thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn Ông Nguyễn Minh H. Quá trình chung sống vợ chồng Bà N và Ông H có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 07/6/2011 và Nguyễn Minh T, sinh năm 13/5/2013. Hiện nay cả hai con chung đang sống với Bà N, Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi hai con. Về tài sản chung: Bà N và Ông H không có tài sản chung. Về nợ chung: Bà N và Ông H không thiếu nợ ai.

Bị đơn Ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ ý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ông H vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của Ông H và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thị Cẩm N có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Ông H, về con chung, tài sản chung và nợ chung Bà N vẫn giữ nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận H, Thành phố M tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm N chấp hành đúng các qui định của pháp luật, bị đơn Ông Nguyễn Minh H chưa chấp hành đúng các qui định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

[1] Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Cẩm N thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn Ông Nguyễn Minh H có nơi cư trú tại Quận H, Thành phố M nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận H theo các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về tố tụng:*

[2] Bị đơn Ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ông H.

[3] Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*Về các yêu cầu của các đương sự:*

[4] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và Ông Nguyễn Minh H sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường V, Quận H, Thành phố M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 29/7/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của Bà N, Bà N trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài đời sống chung nên Bà N yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của Bà N là có căn cứ cần giải quyết.

[6] Xét thấy, bản thân Ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng Ông H vẫn vắng mặt và Ông H cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện Ông H không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa Bà N và Ông H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Cẩm N cần chấp nhận vì phù hợp với quy định tại với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và Ông Nguyễn Minh H có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 07/6/2011 và Nguyễn Minh T, sinh năm 13/5/2013, hiện nay, Bà N đang nuôi dưỡng 02 con chung, Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, mặt khác, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về tài sản chung: Bà N tự khai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà N tự khai vợ chồng không nợ gì của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Cẩm N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với Ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 07/6/2011 và Nguyễn Minh T, sinh năm 13/5/2013 cho Bà Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung cho Ông Nguyễn Minh H đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N tự khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà N tự khai vợ chồng không nợ gì của ai.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0046313 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường 5, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Ánh Minh**

